

Số: 04/2025/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 03 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường
từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường
do ngân sách nhà nước đảm bảo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 94/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số 78/TTr-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thực hiện

nhiệm vụ bảo vệ môi trường từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách nhà nước đảm bảo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách nhà nước đảm bảo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định mức chi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách nhà nước đảm bảo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Các nội dung và mức chi không quy định tại văn bản này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Điều 3. Mức chi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách nhà nước đảm bảo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Mức chi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách nhà nước đảm bảo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình được thực hiện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đối với nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách nhà nước đảm bảo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo nội dung và mức chi đã được phê duyệt.

4. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

5. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Trường hợp Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị

hành chính cấp xã tỉnh Ninh Bình năm 2025 có hiệu lực thi hành khác ngày 01 tháng 7 năm 2025 thì hiệu lực thi hành của Nghị quyết này thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Ninh Bình năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, kỳ họp thứ 32 thông qua ngày 03 tháng 6 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Ban Thường vụ các Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin - Công báo, Báo và Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Tuất



Phụ lục
MỨC CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH
(Kèm theo Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03 tháng 6 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)
1	Lập nhiệm vụ, dự án về môi trường:		
1.1	Lập nhiệm vụ	nhiệm vụ	2.000
1.2	Lập dự án	dự án	
	Dự án có giá trị dưới 500 triệu đồng		3.000
	Dự án có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng		4.000
	Dự án có giá trị từ 2 tỷ đồng trở lên		5.000
1.3	Lập dự án có tính chất như dự án đầu tư		Áp dụng theo quy định như nguồn vốn đầu tư
2	Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có, không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm)		
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	500
	Thành viên, thư ký	người/buổi	300
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	150
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	500
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	300
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án/nhiệm vụ bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý trong trường hợp không thành lập Hội đồng (tối đa không quá 5 bài viết)		500
4	Điều tra, khảo sát		
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)
	- Cá nhân	Phiếu	
	+ Đến 30 chỉ tiêu	Phiếu	30
	+ Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Phiếu	40
	+ Trên 40 chỉ tiêu		50
	- Tổ chức	Phiếu	
	+ Đến 30 chỉ tiêu	Phiếu	80
	+ Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Phiếu	90
	+ Trên 40 chỉ tiêu	Phiếu	100
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày công	Mức tiền công 01 người/ngày bằng 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)
4.4	Chi cho người dẫn đường	người/ngày	100
4.5	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	người/ngày	200
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:	Báo cáo	
5.1	Nhiệm vụ		5.000
5.2	Dự án		
	Dự án có giá trị dưới 500 triệu đồng		10.000
	Dự án có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng		12.500
	Dự án có giá trị từ 2 tỷ đồng trở lên		15.000
6	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)		
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	700
	Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	người/buổi	600
	Ủy viên, thư ký hội đồng	người/buổi	300
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	150

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)
	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bài viết	500
	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng (nếu có)	Bài viết	300
	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét không quá 03 bài viết/dự án)	Bài viết	400
7	Hội thảo khoa học (nếu có)		
	Người chủ trì	người/buổi	500
	Thư ký hội thảo	người/buổi	300
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	150
	Báo cáo tham luận	Bài viết	350
8	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ		
8.1	Nghiệm thu nhiệm vụ:		
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	400
	Thành viên, thư ký	người/buổi	200
8.2	Nghiệm thu dự án:		
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	700
	Thành viên, thư ký hội đồng	người/buổi	400
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	bài viết	500
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	bài viết	400
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	150
9	Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã	người/tháng	Bằng mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động theo quy định
10	Chi giải thưởng môi trường:		
10.1	Tổ chức, cộng đồng	Giải	8.000-20.000
10.2	Cá nhân	Giải	5.000-15.000